

# MỘT SỐ ĐIỂM CẦN CHÚ Ý TRONG VIỆC GIẢNG DẠY CÁC CÂU BÁC BỎ

*Bùi Thị Phương Chi*

*Khoa Ngữ văn Nga,*

*Trường ĐHKHXH&NV- ĐHQG Tp. HCM.*

1. Trong sách *Giáo trình Tiếng Việt 3* do Khoa Việt Nam học và Tiếng Việt cho Người nước ngoài, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh xuất bản, các tác giả đưa ra khá nhiều cấu trúc mang ý nghĩa bác bỏ dùng từ phiếm định, chẳng hạn như *Tiền bạc đâu có dễ kiếm, Thăm gì mà thăm; Ai mà biết...* Tuy nhiên, việc giải thích ý nghĩa và cách sử dụng trong giáo trình còn khá sơ sài. Vì vậy, nếu không có sự giải thích cặn kẽ của giáo viên thì dễ dẫn đến việc sinh viên sử dụng sai. Sờ dĩ như vậy vì nghĩa của câu không phải là tổng nghĩa của các thành tố trong câu. Lỗi thường gặp là việc sử dụng các câu bác bỏ như những câu phủ định miêu tả (miêu tả tính âm, kiểu như *Anh Nam không cao*) và thường được sử dụng không đúng ngữ cảnh, không đúng đối tượng, đôi khi những lỗi vô tình mắc phải của sinh viên gây nên cảm giác khó chịu, có vẻ như bất lịch sự. Việc phân tích điều kiện sử dụng, đối tượng sử dụng, các phương thức tạo nên hàm ý bác bỏ, những hàm ý từ phía người nói khi sử dụng các từ phiếm định này là nội dung chính của bài báo.

2. Trước hết chúng ta cần làm rõ hai khái niệm *phủ định* và *bác bỏ*.

Nguyễn Đức Dân đã viết: “Sự phủ định miêu tả có thể xuất hiện trong bất kì thời điểm nào trong quá trình tư duy về sự vật và mối quan hệ giữa chúng. Sự bác bỏ một điều A chỉ xảy ra khi trước đó đã có sự khẳng định về A, khẳng định trực tiếp, gián tiếp hay khẳng định phi ngôn ngữ qua một hành động cử chỉ nào đó.”<sup>1</sup>

---

<sup>1</sup> *Logic và tiếng Việt*, Nguyễn Đức Dân, NXB Giáo dục 1998, tr. 381.

Theo định nghĩa trên sự khác biệt cơ bản giữa hành vi phủ định và hành vi bác bỏ là ở chỗ hành vi bác bỏ một điều A chỉ có thể xảy ra nếu có tiền giả định là điều A đã được khẳng định trước. Sự khẳng định đó có thể được diễn đạt bằng lời, nhưng cũng có thể không cần nhắc đến nhưng đó là điều mà tất cả mọi người đều đã rõ, được ngầm hiểu trong cộng đồng những người thực hiện hành vi bác bỏ và người nghe.

Vậy điều kiện tiên quyết để có thể thực hiện hành vi bác bỏ là phải **có tiền giả định về một điều A.**

Về hình thức, câu bác bỏ và câu miêu tả có thể trùng nhau, tuy nhiên nhưng cũng có những câu chỉ có thể dùng để bác bỏ mà không thể dùng để miêu tả.

(a) *Chúng nó không về thăm bà.*

(b) *Thăm gì mà thăm. Đứa nào cũng bận lấy đâu ra thời gian mà về thăm bà.<sup>1</sup>*

Câu (a) là câu phủ định hoàn toàn (để trả lời cho câu hỏi: *Chị Hoa, anh Hưng, anh Tuấn có hay về quê thăm bà không, bà?*) nhưng cũng là câu bác bỏ lại giả thiết cho là các cháu bà hay về thăm bà, còn câu (b) chỉ có thể là câu bác bỏ có kèm theo hàm ý trách cứ các cháu mình quá bận rộn không có thời gian dành cho bà.

Trong quá trình giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài việc phân tích hàm ý của hành vi bác bỏ là điều hết sức cần thiết. Nếu chúng ta chỉ giải thích cụm từ "*Thăm gì mà thăm*" có nghĩa "*không thăm*" thì dễ xảy ra trường hợp như sau: một sinh viên kể về một buổi sáng của mình "*Sáng nay em thức dậy lúc 6 giờ sáng nhưng em ăn gì mà ăn (ý muốn nói: em không ăn gì cả), sau đó đi chợ Bến Thành. Giá cả ở đó không rẻ đâu...*" (giá hàng hoá ở chợ Bến Thành không ai cho là rẻ nên không có tiền giả định là rẻ -> câu sử dụng sai).

Trong tiếng Việt, hành vi bác bỏ được tạo thành từ các hành vi **chất vấn, từ chối, thanh minh.** Để tạo thành hành vi bác bỏ, có thể sử dụng các từ phẩm định như *ai, gì, đâu, nào, bao giờ, ...*

---

<sup>1</sup> Giáo trình *Tiếng Việt cho người nước ngoài 3*, Nguyễn Văn Huệ chủ biên, NXB Giáo dục, tr. 108.

Cần chú ý rằng những từ như *ai, đâu, gì* có thể kết hợp với từ phủ định *không* trong câu phủ định, mà nếu bỏ từ *không* thì phần còn lại hoặc là câu hỏi hoặc là câu sai (như trường hợp các câu a, b dưới đây). Từ *không* là yếu tố duy nhất tạo ra ý nghĩa phủ định. Từ *không* tác động vào những yếu tố phiếm định khiến cho câu mang ý nghĩa phủ định tuyệt đối<sup>1</sup>. Ví dụ:

(c) Trời mưa lầy lội. *Không ai* muốn bước chân ra khỏi nhà.

(d) Trời mưa lầy lội. *Không ai* muốn làm gì.

Ngược lại, trong câu bác bỏ nếu chúng ta bỏ từ *không* thì phần còn lại sẽ trở thành một câu vẫn mang ý nghĩa phủ định. Như vậy trong câu bác bỏ các từ phiếm định có chức năng tạo câu bác bỏ.<sup>2</sup> Ví dụ:

(e) “*Đấy*” kể đi, “*đấy*” *chẳng* làm gì đâu mà sợ! (*Bông hồng thứ bảy*, Điền Ngọc Phách)

Các loại câu bác bỏ chủ yếu chỉ **dùng trong khẩu ngữ** mang nhiều sắc thái biểu cảm khác nhau. Một hành vi bác bỏ có thể diễn đạt bằng nhiều cách khác nhau. Ví dụ:

(f) *Anh nói với nó về tôi à?*

(f1) Tôi **có** nói với nó **đâu**.

(f2) Tôi nói với nó **làm gì!**

(f3) Tôi nói với nó **khi nào/bao giờ?**

Trong câu (f1), người nói bác bỏ hoàn toàn hành động; trong câu (f2) và (f3), người nói bác bỏ mục đích của hành động và thời gian xảy ra hành động thông qua hành vi hỏi và một ngữ điệu thích hợp, nhưng mục đích cuối cùng của người nói vẫn là bác bỏ giả thiết cho rằng mình đã nói về người kia. Đối với người học tiếng Việt, cái khó nhất vẫn là hiểu hàm ý của người nói.

3. Sau đây chúng tôi sẽ phân tích các phương thức bác bỏ được đề cập đến trong bộ Giáo trình Tiếng Việt dùng cho sinh viên nước ngoài do Khoa Việt Nam học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – ĐHQG TP.Hồ Chí Minh biên soạn.

---

<sup>1-2</sup> Nguyễn Đức Dân, *Logic và tiếng Việt*, NXB Giáo dục 1998, tr. 396.

3.1. **Làm sao (mà) ... được/hết/rõ... ?** Kết cấu này dùng trong câu hỏi, kèm theo ý **ngghi ngờ hoặc phủ định**, có nghĩa như “Tại sao (mà) ..., “Vi lẽ gì mà ...”. Ví dụ:

*Mới quen có một tuần làm sao mà con biết rõ tính nết của cô ấy?*

Đây là loại câu bác bỏ **khả năng** thực hiện hành động. Trong câu này *phần đầu đưa ra sự phi lí của tiền giả định, hoặc nguyên nhân* dẫn đến hành vi bác bỏ khả năng xảy ra hành động. Phần này có thể là một ngữ hay một mệnh đề. **Làm hoặc mà** có thể được lược bỏ, cụm từ “**làm sao mà...**” có thể đứng ở đầu câu, giữa câu, thậm chí ở cuối câu để nhấn mạnh sự phủ định kết quả. Một số ví dụ khác:

(a) **Làm sao mà** đọc được tâm tư của người con gái khó hiểu này. (*Im lặng*, Nguyễn Thi)

(b) **Sao** anh không chịu ngủ? - **Bụng lép kẹp, ngủ nghề sao được!** (*Khúc ca dân biển*, Chu Văn Mòi)

(c) Rật đứng dậy, nhưng không đi tìm bố. **Làm sao mà** biết ông say rồi tạt vào khóm nào mà ngủ đây. (*Bên mọi cuộc đời*, Quỳnh Linh)

(d) Đâu có. **Làm sao** tôi dám khi dễ các cô. (*Nữ sinh*, Nguyễn Nhật Ánh)

3.2. **Ai (mà) ...:** Cách nói dùng để biểu đạt ý phản bác lại điều mà người khác nói/nghe.

(a) *Ai mà không biết = ai cũng biết; Ai mà biết = không ai biết.* Cách nói này thường dùng trong **khẩu ngữ**. Từ **mà** có thể được lược bỏ. Thí dụ: *Ngày gì, ai nhớ nổi - Anh lâu bầu trong miệng.* (*Bài hát chim nhồng xanh*, Ngô Thị Kim Cúc)

Đặc điểm của cấu trúc này là chủ thể trong câu được khái quát hóa bằng từ “ai”, dùng để chất vấn điều được nêu ra **đề bác bỏ một cách tuyệt đối**. Như ví dụ trên người nói có hàm ý là “không ai có thể nhớ được thì tôi cũng không nhớ được”.

Một số ví dụ khác:

(b) **Ai** bảo mình không bán. Bán ngay cả nhà đi tôi cũng mặc... Mình có biết tôi khổ đêm, khổ ngày.

(c) **Ai** bắt mình khổ **mà** mình khổ (Thế là hai vợ chồng cãi nhau). (*Điều vẫn*, Nam Cao)

(d) Ai đại gì đứng ý ra đây. (*Chí Phèo*, Nam Cao)

(e) Ai làm gì mà anh phải chết? Đòi người chứ có phải con ngoé đâu? (*Chí Phèo*, Nam Cao)

(f) Dụng ý gì, Đông nói đi? - Ai biết, Đông chỉ đoán thôi. (*Bờ vai nghiêng nắng*, Nguyễn Nhật Ánh)

(g) Câu đối của cụ còn ai mà hạch nổi chữ nào (các cụ Tú nói chuyện với nhau) (*Hương cuối*, Nguyễn Tuân)

Hành vi bác bỏ được biểu thị một cách gián tiếp thông qua hành vi hỏi ngược lại cho thấy tính phi lí của điều được nêu trước đó có kèm theo sắc thái **trách móc** (c), hay **bực bội** (a, b, e). Cấu trúc này thường được sử dụng giữa bạn bè hay người lớn tuổi hỏi vặn lại người nhỏ tuổi hơn. Vì thế *nếu sử dụng khi nói với người lớn tuổi thường có vẻ hỗn láo. bất lịch sự, không phù hợp với văn hoá Việt Nam.*

3.3. **Mà**: dùng để biểu thị điều sắp nêu ra trái với lẽ thường nhằm mục đích bác bỏ, phản bác. Ví dụ:

*Áo này mà cô chê.*

Người nói có hàm ý “cô chê thì thật là lạ vì áo này ai cũng thích”.

Các câu tương tự: *Bài tập này mà khó/ Phim này mà hay/ Lương thế này mà nói là khá.*

Trong cấu trúc này từ **mà** tương đương với từ **không** để biểu thị ý **kiến ngược lại** của người nói đối với điều được nêu ra sau từ **mà**: “*Lương thế này mà nói là khá*” có nghĩa “*Anh nói lương khá nhưng tôi chẳng nghĩ là khá*”.

Từ **mà** có thể đứng trước một từ hay một ngữ và có thể biến câu tường thuật thành câu bác bỏ: *Bài tập này mà khó -> Bài tập này khó; Phim này mà hay -> Phim này hay.* Ví dụ:

Tôi mà lắm triết lí ư? (*Vợ nhà thơ kể chuyện*, Trung Trung Đĩnh)

3.4. ... **gì** ...: có thể dùng sau danh từ, động từ hay tính từ để bác bỏ yếu được nêu trước nó, tương đương với từ phủ định *không*.

- Ở đây **thiếu gì** người tài -> Ở đây **không thiếu gì** người tài.

Theo chúng tôi đây là dạng bác bỏ tuyệt đối đã được tinh lược từ *không*: - Ở đây **không thiếu gì** người tài -> Ở đây **thiếu gì** người tài.

Ví dụ:

(a) Nhà lão Sinh bán quán chửi thù trường thù phó **gì!**

(b) "Ngữ này không mê mẩn vì tiền tài danh vọng thì cũng lợi dụng để kiếm chác chứ **yêu đương gì!**"

(c) Ở đây chả ai biết anh là ai cả. Còn nếu anh muốn giao lưu gặp gỡ thì **thiếu gì** chỗ.

(d) Người ta viết nhầm, rồi tôi cũng có thể nhớ nhầm, **thiếu gì** lí do. Tôi đây còn khai sinh muộn hẳn một năm kia!

(e) Thôi đi, tôi **lạ gì** các ông! Đã "chiến đấu" lại còn tiếc "đạn"?

(f) Cậu bảo bọn tớ bao nhiêu năm đi "oánh nhau", toàn là đạn bom, máu lửa, ai **biết gì** đến "cây", đến "chi". (*Yêu muộn*, Quang Khánh)

3.5. ... **làm gì/chi?**: kết cấu dùng ở cuối câu, biểu thị ý "**không cần thiết**" phải làm điều vừa được nói. Đây là câu bác bỏ **mục đích** của hành động, chất vấn về mục đích của hành động nhằm khuyên bảo hay chê trách... Ví dụ:

*Cháu đến thăm bà là quý rồi, mua quà **làm chi**.* (*GT Tiếng Việt 3*)

Bà cụ hàng xóm biết người thanh niên còn đi học không có nhiều tiền nên khuyên không cần mua. Nhưng đây cũng thường là cách nói lịch sự của người Việt Nam thay cho việc nói lời cảm ơn.

Một số ví dụ khác:

(a) Mua (cà vạt) **làm gì** tốn tiền. Biết mặc áo nào với nó, mà thất vào dịp nào - Giọng anh dăm dắn. (*Bài hát chim hồng xanh*, Ngô Thị Kim Cúc)

(b) Trêu cợt nhau **làm gì**, ơi hồn thiêng những chú ếch? (*Khúc nhạc đồng quê*, Văn Lùng)

(c) Đa mang chữ nghĩa **làm gì?** (Nguyễn Huy Thiệp)

(d) Cô đừng có mồm loa mép giải **làm gì**. (*Yêu muộn*, Quang Khánh)

(e) Tôi là thằng lính, vàng vọt mà **làm gì?** Cô cảm lấy làm cho tôi bữa cơm gặp gỡ với làng xóm. (*Yêu muộn*, Quang Khánh)

(f) Ai mong súng ngắn, súng dài để mà chinh chiến suốt **làm gì?** (*Yêu muộn*, Quang Khánh)

Trong ví dụ (a) người nói biểu thị sự không cần thiết có hàm ý *trách móc* việc *mua cả vật là một hành động lãng phí*. Trong ví dụ (b, c, d) người nói bác bỏ mục đích của hành động có hàm ý *khuyên bảo* "không nên", còn ví dụ (e, f) người nói chỉ đơn thuần bác bỏ sự cần thiết. Thường nếu chủ thể trong câu chính là người nói thì hàm ý chỉ là sự bác bỏ, còn chủ thể là ngôi thứ hai thì người nói thường có hàm ý *trách móc* hay *khuyên can*.

3.6. ... **đâu (có/phải) ...; có ... đâu**: kết cấu dùng trước động từ nhấn mạnh sự bác bỏ chính hành động.

- *Tiền bạc đâu có dễ kiếm.* (mẹ nói với con có nghĩa: Tiền bạc không dễ kiếm như con tưởng)

- *Ba mẹ đâu có thiếu tiền.*

Cụm từ **đâu có** có thể thay thế bằng ... **có ... đâu**

- *Ba mẹ có thiếu tiền đâu.*

- *Tôi có dám lừa ai đâu?* Thế mà lắm lúc bà ấy cũng còn nói móc họg... (Điếu văn, Nam Cao)

Trong cấu trúc **đâu có** từ **có** có thể được lược bỏ:

- *Anh ấy đâu có muốn vậy* -> *Anh ấy đâu muốn vậy.*

Kết cấu này có thể được nhấn mạnh khi đi kèm với các từ phiếm định *ai, gì, đâu sao*, để tạo ý nghĩa bác bỏ tuyệt đối.

- *Tôi có nói gì đâu.*

- *Tôi có gặp ai đâu.*

- *Tôi có bị gì đâu.*

- *Tôi có đi đâu đâu.*

Khi vị trí của **đâu** đứng phía trước thì dường như sự bác bỏ được nhấn mạnh hơn. Ví dụ:

(a) *Chị đâu có* ngờ chiến tranh đã cướp đi vĩnh viễn của anh cái khả năng và hạnh phúc làm cha của những đứa con bình thường. -> *Chị đâu* ngờ chiến tranh đã cướp đi vĩnh viễn .... (Anh không có lỗi, My Lan)

(b) *Em yêu mà anh đâu có* hay. (Đoàn Thạch Biền)

(c) *Nó đâu phải* con của cậu! (Anh không có lỗi, My Lan)

(d) ... hấn cũng chỉ tầm phơ tầm phào **đâu** có hai bận ấy thể mà thành vợ thành chồng... (*Vợ nhặt*, Kim Lân)

(e) Thiệt ra tao **đâu** có ham áo mới, nhưng kẹt phải đi đây đi đó với ba má thành ra phải may. (*Bài toán đố cuối năm*, Khuê Việt Trường)

(f) Có ngờ **đâu** câu chị nói anh bỏ cửa bỏ nhà, bỏ vợ bỏ con mãi vui tận đâu xa, lại là điềm báo trước giờ phút cách biệt hôm nay!..(*Phúc thân núi Chúa*, Lê Văn Ba)

(g) Chuyện đó **đâu** có khó gì! (*Nữ sinh*, Nguyễn Nhật Ánh)

Sự bác bỏ đôi khi còn mang sắc thái như một lời **thanh minh, giải thích**. Ví dụ:

(h) Nhưng tôi, tôi có gieo **gì** **đâu** mà sao đời tôi gặt toàn cỏ dại. Chẳng lẽ, một phút xiêu lòng mà lại khốn khổ đến thế này sao? (*Hậu Thiên đường*, Nguyễn Thị Thu Huệ)

(i) Anh kết mô đen cô nào trường này? – **Đâu** có! – Anh đáp giọng bối rối. (*Nữ sinh*, Nguyễn Nhật Ánh)

### 3.7. Sao lại... ?

**Sao C lại V -> sao lại V?**

**Sao C lại không V ?-> Sao lại không V?**

Cấu trúc này dùng để bác bỏ **nguyên nhân** của hành động. Đây là một câu hỏi mang tính chất vấn, từ *lại* cho ta thấy điều nêu phía sau là điều trái với lẽ thường, vô lí, chỉ những hiện tượng **ngược**. Cấu trúc “*Sao lại A.*” là cấu trúc chất vấn về một hiện tượng A bị coi là ngược. Vậy “thuận” phải là “không A”. Vì vậy câu trên để bác bỏ A trên cơ sở chất vấn về lí do dẫn đến A. Chất vấn để bác bỏ. Vậy câu trên có nghĩa là “không có lí do gì để A”. Do vậy không có A. Hiệu ứng của hành vi này là *bác bỏ nguyên nhân*.

Cấu trúc trên có thể thay thế *sao* bằng **chẳng lẽ/ chả lẽ**. “**Lẽ**” ở đây là lí do. Cấu trúc này dùng để bác bỏ *lí do* của hành động.

**Chẳng (chả) lẽ C lại V -> Chẳng (chả) lẽ lại V**

**Chẳng (chả) lẽ C lại không V -> Chẳng (chả) lẽ lại không V**

*Ví dụ: Sao lại không thương? (GT Tiếng Việt 3)*

*Có thể thay thế bằng Chẳng lẽ mẹ lại không thương con?*



Trong ví dụ này người mẹ bác bỏ điều đưa con nêu ra bằng hình thức chất vấn nhằm khẳng định tình thương của mình.

3.8... **gì mà ...**- Điều được nêu ra sau “**gì mà**” là trái với lẽ thường. Khách sạn thường được hiểu là nơi sạch sẽ, nhưng ở đây có nhiều gián vì vậy khách sạn này không đáng được gọi là khách sạn, người nói tỏ ý **chê trách, thường dùng để đánh giá một đối tượng**. Ví dụ:

*Khách sạn gì mà toàn là gián. (GT Tiếng Việt 3)*

*Sinh viên gì mà chẳng bao giờ đến lớp.*

*Lớp học gì mà ồn ào như cái chợ.*

*Nè, rồi im dùm đi, người gì mà mồm to như trống. (Hạnh phúc, Hoàng Ngân)*

“**Gì mà**” rất thường được sử dụng theo mô hình **A gì mà A**. A có thể là một tính từ hay động từ để **bác bỏ một tính chất hay một hành động** chứ không phải toàn bộ câu. Ví dụ:

*Hôm nay đi chơi có vui không?*

*- Vui gì mà vui, hết hư xe rồi đến trời mưa. Có chơi gì được đâu.*

*Thế là anh bị kỉ luật oan à? Tôi tròn mắt.*

*- Oan gì mà oan! Một sĩ quan như tớ đi đánh người mà chưa phải ra tòa là còn được chiếu cố đấy! (Yêu muộn, Quang Khánh)*

4. Trên đây chúng tôi thử phân tích sâu hơn các cách sử dụng các từ phiếm định trong câu bác bỏ được giới hạn trong sách *Giáo trình Tiếng Việt 3* do Khoa Việt Nam học (ĐH KHXH và NV, ĐHQG TP. HCM) biên soạn nhằm làm rõ hơn những hàm ngôn, hàm ý của người nói thông qua các phương tiện ngôn ngữ khác nhau. Từ những hàm ngôn đó giáo viên cần lưu ý sinh viên thận trọng trong việc sử dụng khi người đối thoại là người lớn hay người cần phải tôn trọng. Điều kiện xảy ra hành vi bác bỏ chỉ khi người đối thoại nêu ra một điều trước đó, hay điều đó không thể hiện bằng lời nói nhưng tất cả đều hiểu. Nếu điều bị bác bỏ không phải là một điều hiển nhiên hay đã được nêu trước đó thì phát ngôn bị coi là sai.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Trọng Phiên (1991), *Từ điển giải thích hư từ tiếng Việt*, Tokyo University of Foreign Studies.
2. Nguyễn Đức Dân (1998), *Logích và tiếng Việt*, Nhà xuất bản Giáo dục.
3. Nguyễn Văn Huệ (chủ biên) (2003), *Giáo trình tiếng Việt cho người nước ngoài 3*, Nhà xuất bản Giáo dục.
4. Tuyển tập truyện của nhiều tác giả.